

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 213/2024/DS-ST

Ngày: 10/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
góp hụi*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên**;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

+ Ông **Nguyễn Quốc Thuận**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Huyền Trân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 05 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 06 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1961; (có mặt)

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

* *Bị đơn:* - Bà **Nguyễn Thị T** - sinh năm: 1967;

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Anh **Nguyễn Thanh S** – sinh năm 1976; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 42/25/16 NTT, phường B, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

- Ông **Đoàn Phương Q** – sinh năm 1967; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **Nguyễn Thị Trúc L** – sinh năm 1992; (xin vắng mặt)

- Anh **Đoàn Phương Th** – sinh năm 1996; (xin vắng mặt)

- Chị **Lê Thị Lan Ch** – sinh năm 1995; (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: do quen biết nên chị Nguyễn Thị Trúc L có tham gia hội do bà Nguyễn Thị T làm chủ hội. Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 10/4/2022, hội gồm 27 phần, chị L tham gia 01 phần và đóng nuôi hội được 03 tháng hội số tiền 3.000.000 đồng thì chị L sang hội lại cho bà. Bà tiếp tục tham gia và đóng hội cho bà Nguyễn Thị T, đóng được 21 tháng số tiền 21.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà và chị L đóng hội cho bà T là 24.000.000 đồng. Bà đã hoàn lại chị L số tiền 3.000.000 đồng. Việc bà T làm chủ hội thì ông Đoàn Phương Q, chồng bà T biết vì những lúc bà T không có nhà thì bà đóng tiền hội cho ông Q, anh Đoàn Phương Th và chị Lê Thị Lan Ch là con trai và con dâu của bà T, ông Q. Hiện nay, hội đã ngưng hoạt động, bẻ hội nhưng bà T, ông Q không trả cho bà số tiền hội đã đóng. Bà yêu cầu bà T, ông Q trả số tiền hội còn nợ 24.000.000 đồng, không tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng tại bản tự khai bà trình bày: bà và ông Đoàn Phương Q kết hôn năm 1988, do ở chung với ba mẹ chồng nên không có đi làm, không có nguồn thu nhập ổn định. Vào năm 2008, bà làm hội góp vốn sẽ có nguồn thu nhập từ chủ hội tiền đầu thảo để có tiền mua sắm tư trang cá nhân. Giữa năm 2008, bà tổ chức tham gia hội và bà là đầu thảo hội, mỗi tháng mở hội từ 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Bà làm chủ hội gom hội, giao hội đều cho các hội viên. Công việc làm hội ổn định đến năm 2021 do dịch bệnh nên hội viên không có khả năng đóng hội nên bà phải vay mượn tiền để đóng cho các hội viên. Đến tháng 02/2024 thì bà không có khả năng đóng hội thay cho các hội viên đã hót. Nay bà còn thiếu bà Nguyễn Thị H số tiền hội là 24.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 200.000 đồng đến khi hết nợ.

* Bị đơn ông Đoàn Phương Q vắng mặt nhưng tại bản tự khai ông trình bày: vào năm 1988, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị T. Ông bà có hai con chung là Đoàn Phương Tiến và Đoàn Phương Th. Ông bà sống chung đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên sống ly thân, việc vô hội góp vốn ông hoàn toàn không có tham gia. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày: chị là cháu dâu của bà Nguyễn Thị H. Chị có tham gia hội do bà T làm chủ hội, hội 1.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 10/4/2022. Chị đóng được 03 kỳ số tiền 3.000.000 đồng thì chị sang hội lại cho bà H, bà H tiếp tục đóng hội cho bà T, ông Q. Số tiền 3.000.000 đồng chị đóng hội cho bà T, hiện bà H đã hoàn trả lại cho chị. Nay giữa bà H và bà T, ông Q tranh chấp tiền hội, chị không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này. Do bận công việc nên chị xin vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phương Th và chị Lê Thị Lan Ch xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 19.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q trả số tiền hụi còn nợ nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Đại diện ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T là anh Nguyễn Thanh S, bị đơn ông Đoàn Phương Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Trúc L, anh Đoàn Phương Th và chị Lê Thị Lan Ch xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q trả số tiền 19.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy bà H có tham gia hụi do bà T làm chủ hụi, hụi có hoa hồng. Quá trình tham gia hụi, bà H là hụi viên, đóng hụi đầy đủ cho bà T. Hiện nay, dây hụi bà H tham gia đều bị bẽ hụi, phía bà T không hoàn trả lại số tiền đóng hụi cho bà H. Tại bản tự khai, bà T thừa nhận là bà có làm chủ hụi và bà H có tham gia hụi với bà. Do đó có đủ cơ sở xác định giữa bà H và bà T có xác lập giao dịch hụi với nhau theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận và thống nhất số tiền hụi còn nợ bà H là 24.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H trình bày bà T đã trả bà số tiền 5.000.000 đồng, hiện còn nợ 19.000.000 đồng và bà yêu cầu bà T hoàn trả số tiền hụi còn nợ là 19.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà T trả số tiền hụi 19.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm liên đới: Ông Đoàn Phương Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H vì việc vô hụi góp vốn ông hoàn toàn không có tham gia. Ông và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng nhưng đã ly thân từ năm 2000 đến nay. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà T, ông Q cư trú thì bà T làm chủ hụi rất lâu, chủ yếu thực hiện việc mở hụi và khai hụi, ông Q chồng bà T cùng con trai và con dâu là anh Đoàn Phương Th, chị Lê Thị Lan Ch có nhiệm vụ

giúp bà T gom hụi, nhận tiền hụi, giao hụi và lập danh sách hụi viên. Ngoài việc giúp bà T làm hụi thì ông Q cũng có thu nhập thêm từ nguồn trồng dưa. Do đó lời trình bày của ông Q cho rằng ông không liên quan gì đến việc tranh chấp hụi giữa các hụi viên với bà T là không có cơ sở mà xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên ông Q có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả tiền cho bà H theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về tiền lãi: bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về thời gian trả: Bà H yêu cầu bà T, ông Q trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà T, ông Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 471 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phường.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q phải chịu 950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Ch cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Nông sới;
- Lưu hoà sô, án văn.

Phan Thị Cẩm Tiên